TAND HUYỆN VĂN BÀN TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 54/2017/QĐST - HNGĐ	*Văn Bàn, ngày 14 tháng 7 năm 2017.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2017/TLST/HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn L1, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Anh Trần Đắc H, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Thôn L1, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1985.
Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ văn hóa 12/12.
ĐKHKTT: Thôn L1, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai.

- Bị đơn: Anh Trần Đắc H, sinh năm 1979.
Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ văn hóa 12/12.
ĐKHKTT: Thôn L1, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Đắc H.

+ Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ngọc H, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2008 và cháu Trần Bảo N, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2013 đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh Trần Đắc H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo định kỳ mỗi tháng là 500.000đ /01cháu x 02 cháu = 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*/tháng, cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi .

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T nhận chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 150.000đ ***(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*** và tiền án phí cấp dưỡng theo định kỳ số tiền là 150.000đ ***(Một trăm năm mươi nghìn đồng)***. Tổng cộng là 300.000đ ***(Ba trăm nghìn đồng)***. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ ***(Ba trăm nghìn đồng)*** theo biên lai số AA/2012/08063 ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lào Cai. Chị Nguyễn Thị Thu T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Đắc H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh(1);
- VKSND(2);
- Các đương sự(2);
- THA dân sự(1);
- UBND xã V(1);
- Lưu HS, TP, TA, KT (5).

THẨM PHÁN

Trần Văn Nghĩa